

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----*/*/*-----

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Gelex, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 024.38544898

Fax : 024.35531433

Website: www.cie.com.vn

HÀ NỘI THÁNG 06/2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1: Tên gọi, hình thức sở hữu, trụ sở của Công ty mẹ.....	2
Điều 2: Mục tiêu, lĩnh vực hoạt động, ngành, nghề kinh doanh của Công ty mẹ	3
Điều 3: Thời hạn hoạt động của Công ty mẹ.....	4
Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ	5
Điều 5: Người đại diện theo pháp luật	5
Điều 6: Tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty mẹ.....	5
CHƯƠNG II: CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY MẸ QUYỀN NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON TRONG TỔ HỢP CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON	5
Điều 7: Các Công ty thành viên của Công ty mẹ	5
Điều 8: Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.....	6
Điều 9: Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty con	6
CHƯƠNG III: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY MẸ	7
Điều 10: Quyền hạn của Công ty mẹ.....	7
Điều 11: Nghĩa vụ của Công ty mẹ	8
Điều 13: Các loại vốn khác	9
MỤC 2: CỔ PHẦN	9
Điều 14: Cổ phần - Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.....	9
Điều 15: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 16: Sổ đăng ký cổ đông	10
Điều 17: Thừa kế cổ phần	11
Điều 18: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty mẹ	11
Điều 19: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	12
Điều 20: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	12
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY MẸ	12
Điều 21: Cơ cấu tổ chức quản lý	12
Điều 22: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty mẹ.....	13
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
MỤC I: CỔ ĐÔNG	13
Điều 23: Quy định chung về cổ đông.....	13
Điều 24: Quyền của cổ đông.....	14
Điều 25: Nghĩa vụ của các cổ đông.....	15
MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 26: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 27: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 28: Đại hội đồng cổ đông thường niên	16
Điều 29: Đại hội đồng cổ đông bất thường	16
Điều 30: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo.....	17
Điều 31: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 32: Chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 33: Ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCD	19
Điều 34: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 35: Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	19
Điều 36: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ	20

MỤC I: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 37: Quy định chung về Hội đồng quản trị	20
Điều 38: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	21
Điều 39: Chủ tịch Hội đồng quản trị	21
Điều 40: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 42: Hoạt động của Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty	22
Điều 43: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 44: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	24
MỤC II: TỔNG GIÁM ĐỐC	24
Điều 45: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc	24
Điều 46: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc	24
Điều 47: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	25
MỤC III: BAN KIỂM SOÁT	25
Điều 48: Quy định chung về Ban kiểm soát.....	25
Điều 49: Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát	26
Điều 50: Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát.....	26
Điều 51: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát	27
MỤC IV: CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN	27
Điều 52: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	27
MỤC V: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	28
Điều 53: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ	28
CHƯƠNG VIII: CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	29
MỤC I: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH	29
Điều 54: Tài khoản tại ngân hàng.....	29
Điều 55: Năm tài chính.....	29
Điều 56: Hệ thống kế toán.....	29
Điều 57: Báo cáo thường niên.....	29
Điều 58: Công khai thông tin	29
Điều 59: Kiểm toán	30
Điều 60: Con dấu.....	30
MỤC II: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	30
Điều 61: Phân phối lợi nhuận và trích lập	30
Điều 62: Cổ tức	30
Điều 63: Hình thức chi trả	30
CHƯƠNG IX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ - SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	31
Điều 64: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	31
Điều 65: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	31
CHƯƠNG X: GIẢI THỂ, PHÁ SẢN	32
Điều 66: Chấm dứt hoạt động	32
Điều 67: Thanh lý.....	32
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	32
Điều 68: Hiệu lực và đăng ký Điều lệ	32

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

-----& O-----

MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp, tiền thân là Công ty cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp sản xuất thiết bị xây dựng theo quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/5/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con từ ngày 18/6/2008.

Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông công ty ngày 10/6/2025 đã quyết định sửa đổi một số điều của điều lệ công ty cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều kiện hoạt động mới của công ty.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

- 1- Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây có nghĩa như giải thích dưới đây:
 - a- "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
"Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - b- "Pháp luật" là các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác do cơ quan nhà nước Việt Nam ban hành đang còn giá trị hiệu lực.
 - c- "Ban Tổng giám đốc" bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
 - d- "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị Công ty mẹ bổ nhiệm.
 - e- "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối" là cổ phần hoặc phần góp của Công ty mẹ chiếm từ trên 50% vốn điều lệ của Công ty con đủ để Công ty mẹ thực hiện quyền chi phối đối với Công ty đó.
 - f- "Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con" là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm Công ty mẹ và các Công ty con.
 - g- "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- 2- HĐQT là viết tắt của cụm từ Hội đồng quản trị Công ty mẹ.
- 3- BKS là viết tắt của cụm từ Ban kiểm soát Công ty mẹ.
- 4- ĐHĐCĐ là viết tắt của cụm từ Đại hội đồng cổ đông
- 5- Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Tên gọi, hình thức sở hữu, trụ sở của Công ty mẹ

1. Tên pháp nhân của Công ty mẹ:
 - Tên bằng tiếng Việt Nam: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP.
 - Viết tắt là: TẬP ĐOÀN CIE
 - Tên bằng tiếng Anh: CONSTRUCTION AND INDUSTRY EQUIPMENT GROUP.
 - Tên giao dịch viết tắt: CIE GROUP



- Biểu tượng (Logo):
- 2. Hình thức sở hữu và tư cách pháp nhân:
 - a- Công ty mẹ là thuộc sở hữu của các cổ đông trong đó:
 - Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
 - Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn góp vào Công ty mẹ.
 - b- Công ty mẹ cổ phần chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản bằng toàn bộ tài sản do Công ty mẹ sở hữu.
 - Công ty mẹ được tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan của Nhà nước Việt nam.
 - c- Công ty mẹ có đầy đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
 - Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
 - Có điều lệ tổ chức và hoạt động riêng của Công ty mẹ.
 - Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, tự chủ về tài chính.
 - Được lập các quỹ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 3. Trụ sở và địa bàn hoạt động:
 - Trụ sở chính của Công ty mẹ: tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - Điện thoại : (84-24) 3854 4898
 - Fax : (84-24) 3553 1433
 - E-mail : info@cie.com.vn
 - Website : www.cie.com.vn
 - Địa bàn hoạt động:
 - + Các vùng trên lãnh thổ Việt nam.
 - + Công ty mẹ có thể đặt Chi nhánh, Công ty con, Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ tại nước ngoài theo các quy định pháp luật của Việt Nam và pháp luật của nước sở tại nơi Công ty mẹ đặt Chi nhánh, Công ty con, Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 2: Mục tiêu, lĩnh vực hoạt động, ngành, nghề kinh doanh của Công ty mẹ

1. Mục tiêu hoạt động:

- a) Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm tạo ra và cung cấp cho thị trường các sản phẩm Cơ điện tử công nghệ cao.
- b) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty mẹ và tại các doanh nghiệp khác;
- c) Tối đa hoá hiệu quả sản xuất, kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;
- d) Tiến tới phát triển Công ty mẹ thành tập đoàn kinh tế mạnh, kinh doanh đa ngành, có tiềm lực về tài chính, công nghệ, năng lực quản lý, điều hành để giữ vai trò chủ đạo, chi phối, hỗ trợ và liên kết các hoạt động với các Công ty con, Công ty liên kết;
- e) Nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm các loại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng sản phẩm công nghệ cao của Công ty mẹ trên thị trường trong nước, xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

2. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar)
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Kinh doanh trung tâm thể thao;

- Thiết kế chuyển giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
 - Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
 - Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép, nhà xưởng
 - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng; Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, sản xuất bê tông các loại;
 - Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Dịch vụ tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án; dịch vụ tư vấn thực hiện dự án; Dịch vụ tư vấn điều hành quản lý dự án;
 - Hoạt động phiên dịch;
 - Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ;
 - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản;
 - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);
 - Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...);
 - Tư vấn về môi trường;
 - Tư vấn công nghệ khác;
 - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý;
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bất động sản; môi giới bất động sản; định giá bất động sản; sàn giao dịch bất động sản; tư vấn bất động sản; quảng cáo bất động sản; quản lý bất động sản;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp, thoát nước; Thiết kế hệ thống điện điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện công trình công nghiệp, Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Thiết kế hệ thống điện dân dụng; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông; Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
 - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Và Các ngành, nghề khác mà luật không cấm.

Điều 3: Thời hạn hoạt động của Công ty mẹ

Thời hạn hoạt động của Công ty mẹ là vô hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty mẹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ

Công ty mẹ hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng Pháp luật.

· Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty mẹ là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

· ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HDQT) để quản trị Công ty mẹ giữa 2 kỳ Đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty mẹ.

· Quản lý điều hành hoạt động của Công ty mẹ là Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

· Công ty mẹ có các Công ty thành viên bao gồm các Công ty con, Công ty liên kết, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ và các Công ty khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HDQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ.

Điều 6: Tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty mẹ

Các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong Công ty mẹ hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Công ty mẹ - Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng và thiết bị công nghiệp tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ trong Điều lệ của mình.

CHƯƠNG II: CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY MẸ QUYỀN NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON TRONG TỔ HỢP CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

Điều 7: Các Công ty thành viên của Công ty mẹ

Là các Công ty được tổ chức, hoạt động theo luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan; có mối quan hệ với Công ty mẹ về vốn điều lệ, tổ chức hoạt động và các lợi ích kinh tế cùng chia sẻ; Bao gồm các loại hình Công ty dưới đây:

1. Công ty con là Công ty do Công ty mẹ sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối và chịu sự chi phối của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty mẹ.

Các Công ty con của Công ty mẹ bao gồm:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ.
 - b) Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên do Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối.
 - c) Các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ do Công ty mẹ chi phối.
2. Công ty liên kết là Công ty mà Công ty mẹ có cổ phần, vốn góp không chi phối. Tại các Công ty liên kết Công ty mẹ đều có người đại diện quản lý phần vốn góp và tham gia Hội đồng quản trị (hoặc Hội đồng thành viên).



3. Các hình thái Công ty khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con

1. Các quyền của Công ty mẹ

- a) Giữ vai trò chủ đạo, trung tâm trong mối liên hệ các hoạt động của các Công ty con nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao, hài hoà về lợi ích của Công ty con và Công ty mẹ.
- b) Có quyền quyết định (quyền chi phối) hoặc tác động đến các Công ty con về điều lệ tổ chức bộ máy điều hành; Chiến lược kinh doanh; Định hướng đầu tư và các vấn đề quan trọng khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty mẹ

- a) Định hướng đúng chiến lược kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với điều lệ của Công ty mẹ, điều lệ của Công ty con.
- b) Tổ chức phối hợp giữa các doanh nghiệp trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con để tìm kiếm, cung cấp nguồn của đầu vào, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất.
- c) Phối hợp với các nguồn lực trong Công ty mẹ, khai thác với hiệu quả cao mang lại lợi ích cho các Công ty con; Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp, cạnh tranh nội bộ làm phân tán nguồn lực, lãng phí và giảm sút hiệu quả kinh doanh.
- d) Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại tạo điều kiện cho các Công ty con phát triển, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.
- e) Khi thực hiện quyền “chi phối” của mình Công ty mẹ không được làm tổn hại đến các lợi ích chính đáng của các Công ty con.

Điều 9: Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty con

1. Các quyền của Công ty con

- a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động riêng nhưng không trái với điều lệ Công ty mẹ.
- b) Có quyền tự chủ về tài chính theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty mẹ: Mở tài khoản tại các Ngân hàng trong và ngoài nước; Huy động nguồn vốn từ các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, xã hội; Đầu tư tài chính vào các Công ty khác; Tự tổ chức hạch toán kinh doanh; Trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, mức chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ về tài chính đối với Nhà Nước và nghĩa vụ về tài sản đối với Công ty mẹ;
- c) Có quyền tự chủ về kinh doanh: Lựa chọn thị trường, khách hàng, tổ chức sản xuất kinh doanh nhưng không trái với định hướng và hướng dẫn của Công ty mẹ.
- d) Có quyền tự chủ về sử dụng lao động và các quyền khác theo quy định của Bộ Luật lao động và điều lệ Công ty mẹ như: Quyết định khen thưởng, kỷ luật; Quy định mức lương, thưởng, trợ cấp trả cho người lao

động; Quyết định quy chế tuyển dụng, đào tạo công nhân kỹ thuật, nhân viên, kỹ thuật viên và các chức danh quản lý;

e) Có quyền yêu cầu Công ty mẹ bồi thường thiệt hại vật chất trong trường hợp Công ty mẹ thực hiện các việc sau đây mà không có sự thoả thuận của Công ty con:

- Buộc Công ty con phải ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng, bất lợi đối với Công ty con.
- Điều chuyển vốn, tài sản của Công ty con gây nên thiệt hại về kinh tế đối với Công ty bị điều chuyển trừ trường hợp phục vụ công ích hoặc tổ chức lại Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ.
- Điều chuyển một hoặc một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ Công ty con này sang Công ty con khác dẫn đến Công ty bị điều chuyển bị lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận.
- Giao cho Công ty con các nhiệm vụ kinh doanh trái với pháp luật và điều lệ Công ty mẹ.
- Giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty con mà không có hợp đồng kinh tế, gây thiệt hại vật chất cho Công ty con.
- Buộc Công ty con phải cho Công ty mẹ hoặc Công ty thành viên khác vay vốn với lãi suất thấp hơn lãi suất quy định của Ngân hàng hoặc cung cấp các khoản vay để thực hiện các hợp đồng có nhiều rủi ro.

2. Nghĩa vụ của Công ty con

- a) Khai thác có hiệu quả các nguồn lực của Công ty, của Công ty mẹ giao cho Công ty quản lý, sử dụng; Đảm bảo kinh doanh có lãi, có tích lũy; Bảo toàn và phát triển phần vốn góp của Công ty mẹ. Không được chuyển nhượng, cho thuê dài hạn các tài sản do Công ty mẹ giao trừ khi có sự thoả thuận của Công ty mẹ.
- b) Thực hiện đúng các định hướng và phân công của Công ty mẹ về sản phẩm dịch vụ, thị trường, đầu tư và tổ chức sản xuất kinh doanh.
- c) Thực hiện đúng chế độ báo cáo, thống kê, giao ban định kỳ do Công ty mẹ quy định; Phản ánh kịp thời với Công ty mẹ về các diễn biến bất thường tại Công ty.
- d) Phối hợp, hỗ trợ các hoạt động của các Công ty con khác theo sự phân công của Công ty mẹ.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty mẹ.

CHƯƠNG III: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY MẸ

Điều 10: Quyền hạn của Công ty mẹ

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà Nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi như sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới.
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Đầu tư ra ngoài Công ty mẹ dưới hình thức mua trái phiếu, cổ phiếu, liên doanh, góp vốn, chuyển nhượng vốn và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
13. Được quyền huy động vốn dưới các hình thức trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu Công ty mẹ; Vay vốn các tổ chức Ngân hàng, tín dụng, các tổ chức tài chính khác, vay vốn của các cá nhân trong và ngoài Công ty mẹ để đầu tư phát triển và sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.
14. Được bảo hộ đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp, tên gọi, biểu tượng của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật.
15. Có quyền khước từ các cuộc thanh tra, kiểm tra không đúng pháp luật.
16. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Nghĩa vụ của Công ty mẹ

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh;
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN

MỤC 1: VỐN

Điều 12: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là vốn góp của Cổ đông, vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, tài sản bằng hiện vật hoặc bằng bản quyền sở hữu công nghiệp và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là VNĐ.
2. Vốn điều lệ của Công ty mẹ là 38.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi tám tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.800.000 cổ phần (Ba triệu tám trăm nghìn) với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.
3. Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật.
4. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh như:
 - Mua sắm tài sản cố định, máy, trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty mẹ;
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh;
 - Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;
 - Kinh doanh theo nội dung quy định tại khoản 2 điều 3 điều lệ này.
5. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác mà không trái luật pháp).

Điều 13: Các loại vốn khác

1. Vốn vay:

Công ty mẹ huy động vốn bên ngoài bằng phương thức phát hành trái phiếu, vay vốn của ngân hàng, của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước và các phương thức khác theo quy định của pháp luật. Công ty mẹ được quyền sử dụng vốn này và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn lẫn lãi. Công ty mẹ phải chấp hành và tôn trọng các giới hạn khống chế về mức huy động, dự trữ tối thiểu bắt buộc và biện pháp bảo đảm an toàn về vốn.

2. Vốn tích lũy:

Vốn tích lũy của Công ty mẹ được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ, góp vốn liên doanh với các cá nhân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

3. Các loại vốn khác:

Công ty mẹ được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động.

MỤC 2: CỔ PHẦN

Điều 14: Cổ phần - Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ phần cùng loại có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

2. Toàn bộ cổ phần của Công ty mẹ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Công ty mẹ có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty mẹ phát hành được gọi là Sổ chứng nhận cổ đông và phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, được đóng dấu của Công ty. Sổ chứng nhận cổ đông phải nêu rõ số lượng và loại cổ phần, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.
4. Nếu Sổ chứng nhận cổ đông bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị hủy hoại thì Công ty mẹ sẽ cấp Sổ chứng nhận cổ đông mới ghi nhận số cổ phần tương ứng theo yêu cầu của cổ đông với điều kiện là phải gửi cho Công ty mẹ Sổ chứng nhận cổ đông cũ hoặc phải tuân thủ các điều kiện chứng minh Sổ chứng nhận cổ đông cũ bị mất hoặc bị hủy hoại. Người được cấp lại phải chịu các chi phí liên quan.

Điều 15: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty mẹ;
 - b) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - c) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin đã ghi ở Điều 14 của Điều lệ này vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty mẹ.
3. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty mẹ cấp sổ chứng nhận cổ đông theo yêu cầu của cổ đông.
4. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp Sổ chứng nhận cổ đông. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Sổ chứng nhận cổ đông.

Điều 16: Sổ đăng ký cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty mẹ lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, trụ sở của Công ty mẹ;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị cổ phần đã góp;
 - d) Tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty mẹ hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty mẹ hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
 3. Cổ đông, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết trở lên; hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty mẹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp cổ phiếu Công ty mẹ được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

Điều 17: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời Công ty mẹ công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất.
 - Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty mẹ không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.
2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 18: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty mẹ

Công ty mẹ có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại thì do HĐQT quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do HĐQT quyết định.
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. Công ty mẹ có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty mẹ. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty mẹ phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty mẹ, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua

lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty mẹ. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty mẹ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

Điều 19: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty mẹ hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định trong Điều lệ có quyền yêu cầu Công ty mẹ mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu này phải lập bằng văn bản nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mẹ mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty mẹ trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHDCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.
2. Công ty mẹ phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty mẹ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 20: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty mẹ chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty mẹ vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác.
2. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty mẹ số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty mẹ thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty mẹ trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.
3. Tất cả các cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty mẹ giảm hơn 10% thì Công ty mẹ phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY MẸ

Điều 21: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty mẹ bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;

d) Ban Tổng Giám đốc.

Điều 22: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty mẹ

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty mẹ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cán vì lợi ích của Công ty mẹ và cổ đông của Công ty mẹ;
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty mẹ để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty mẹ cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty mẹ, trừ trường hợp HĐQT chấp thuận;
3. Khi Công ty mẹ không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:
 - a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty mẹ cho tất cả chủ nợ biết;
 - b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty mẹ, kể cả cho người quản lý;
 - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;
 - d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty mẹ.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC I: CỔ ĐÔNG

Điều 23: Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông là những cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty mẹ.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty mẹ.
3. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty mẹ:
 - a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân tại Công ty mẹ là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó theo quy định hiện hành của pháp luật.
 - b. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân nêu tại điểm a khoản này có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện tại Công ty mẹ.
 - c. Cổ đông là cá nhân có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty mẹ.
 - d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi lên HĐQT của Công ty mẹ.
 - f. Việc cử người đại diện tại Công ty mẹ phải được thực hiện bằng văn bản.
 - g. Người được cử làm đại diện tại các điểm b,c và d của khoản này không được quyền cử người khác làm đại diện thay.

Điều 24: Quyền của cổ đông

Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

1. Được tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và được thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty mẹ;
4. Được tự do mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo quy định trong Điều lệ này và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật;
5. Được xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các thông tin không chính xác;
6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty mẹ, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
7. Khi Công ty mẹ giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty mẹ, sau khi Công ty mẹ đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đối với chủ nợ và cổ đông ưu đãi;
8. Được uỷ quyền từng lần bằng văn bản cho người khác tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật. Người được uỷ quyền tham dự không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.
9. Đề cử hoặc ứng cử người vào HĐQT và BKS theo các quy định sau đây:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần được ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty mẹ. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty mẹ được quy định như sau: Từ 10% đến 20% được cử 1 người, từ trên 20% đến 30% được cử 2 người, từ trên 30% đến 40% được cử 3 người; từ trên 40% đến 50% được cử 4 người, từ trên 50% được cử 5 người.
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần của Công ty mẹ được ứng cử hoặc đề cử người vào BKS của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty mẹ được quy định như sau: từ 10% đến 35% được cử 1 người, từ trên 35% được cử 2 người.
10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty mẹ trở lên có quyền:
 - a) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 6 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;
 - b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của BKS;
 - c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề có thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty mẹ khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân,

Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty mẹ; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

Điều 25: Nghĩa vụ của các cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty mẹ trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty mẹ. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty mẹ phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty mẹ trong phạm vi giá trị cổ phần đó bị rút và các thiệt hại xảy ra.
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty mẹ.
3. Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty mẹ dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty mẹ.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử

MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 26: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty mẹ, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản
2. Các cuộc họp ĐHĐCĐ phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Điều lệ này.

3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc đại diện thông qua theo Điều 34 hoặc Điều 35 của Điều lệ này.

Điều 27: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT;
2. Thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty mẹ;
3. Thông qua báo cáo của BKS về quản lý Công ty mẹ của HĐQT, Tổng Giám đốc;
4. Thông qua định hướng phát triển của Công ty mẹ;
5. Quyết định loại cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
6. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
7. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ;
8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT và BKS theo quy định của Điều lệ;
9. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của các thành viên HĐQT và BKS;
10. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty mẹ và cổ đông của Công ty mẹ
11. Quyết định sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty mẹ;
12. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty mẹ;
13. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
14. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
15. Quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty mẹ.

Điều 28: Đại hội đồng cổ đông thường niên

ĐHĐCĐ phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 29: Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty mẹ;

- b) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều 37 của Điều lệ này;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 10 Điều 24 của điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của BKS;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này; 60 ngày khi thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 1 Điều 37 của điều lệ này.
 3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.
 4. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 3 Điều này cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 10 Điều 24 của Điều lệ này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.

Điều 30: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đã đăng ký của cổ đông đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty mẹ.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phù hợp với pháp luật và quy định của Công ty mẹ; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b) Xác định hình thức, thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c) Thông báo cho tất cả các cổ đông về việc tiến hành họp ĐHĐCĐ.
3. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. HĐQT có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện đến tham dự họp ĐHĐCĐ, lập danh sách hiện diện (số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).

5. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:
- e) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - f) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - g) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - h) ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

Điều 31: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào biên bản của Công ty mẹ. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c) Chương trình làm việc và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký
Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty mẹ.

Điều 32: Chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ do Công ty mẹ chi trả, các chi phí mang tính cá nhân như chi phí đi lại, ăn ở do cổ đông tự trang trải.

Điều 33: Ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty mẹ quy định tại khoản 3 Điều 23 của điều lệ này có quyền trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền cho một người khác tham dự, Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.
2. Việc ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, người được ủy quyền phải trình văn bản này cho Ban tổ chức đại hội trước khi vào phòng họp.

Điều 34: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:
 - a) Được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; tổ chức lại, giải thể Công ty mẹ; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - c) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 35: Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và được thực hiện theo các thủ tục quy định tại khoản 3 của điều này.
2. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty mẹ. Các vấn đề quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp có thể được đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. HĐQT có trách nhiệm sau đây để các quyết định của cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua:
 - a. Dự thảo các vấn đề cần xem xét, quyết định hình thức và nội dung lấy ý kiến;

- b. Gửi phiếu biểu quyết và tất cả các tài liệu, văn bản cần thiết cho tất cả cổ đông để các cổ đông có đầy đủ thông tin trước khi quyết định đưa ra ý kiến và phải gửi chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;
- c. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty mẹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm được thông qua; .
4. Quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 của điều này có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 36: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 10 Điều 24 của Điều lệ này có quyền yêu cầu toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của bản Điều lệ này và Luật doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ

MỤC I: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37: Quy định chung về Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty mẹ, có toàn quyền nhân danh Công ty mẹ để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty mẹ, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

1. Số thành viên của HĐQT là 5 người.
2. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ.
3. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:
 - a) Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện pháp nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông;
 - b) Có trình độ đại học;
 - c) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
 - d) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
4. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.

Điều 38: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.

Điều 39: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch bằng hình thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Chủ tịch HĐQT có thể được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty mẹ, trừ khi văn bản pháp luật có quy định khác.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
 - e) Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;
 - f) Trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và các báo cáo của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - g) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong HĐQT để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT tạm thời không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Khi Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 40: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty mẹ;
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
3. Quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải gửi kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của HĐQT về phát hành trái phiếu;
4. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
5. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty mẹ;
6. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần mỗi loại đã bán;

7. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ;
8. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty mẹ. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 7 Điều 27 và khoản 1 và khoản 3 Điều 52 của điều lệ này;
9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó;
10. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác; quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
11. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mẹ;
12. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty mẹ, quyết định thành lập Công ty con, tổ chức khoa học và công nghệ, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
14. Trình báo cáo tài chính quyết toán hàng năm lên ĐHĐCĐ;
15. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
16. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty mẹ;
17. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định cụ thể theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên HĐQT được nhận khoản thù lao và các lợi ích khác cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT với mức do ĐHĐCĐ quyết định.
2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của ĐHĐCĐ.
3. Các thành viên của HĐQT có quyền được thanh toán các khoản chi phí hợp lý mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.
4. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện bằng mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty mẹ, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 42: Hoạt động của Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT họp thường kỳ 3 tháng 1 lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Cuộc họp HĐQT hợp lệ khi có ít nhất 3/4 thành viên tham dự. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
2. Trường hợp cần thiết HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

- a) Chủ tịch HĐQT;
- b) Ít nhất 2 thành viên HĐQT;
- c) BKS;
- d) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- 3. HĐQT có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp hoặc hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 4. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- 5. Quyết định của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải ghi vào biên bản và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự.
- 6. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- 7. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc các tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang làm thành viên HĐQT của Công ty mẹ thì phải yêu cầu bằng văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản yêu cầu, HĐQT sẽ họp để xem xét và trình ĐHCĐ quyết định.
- 2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quá bán cho đến kỳ họp ĐHCĐ gần nhất để bầu bổ sung.

3. Trường hợp số thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với tổng số quy định tại Điều lệ Công ty mẹ thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung.
4. Các trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.

Điều 44: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 3 Điều 37;
2. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Có đơn xin từ chức;
4. Bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ;
5. Pháp nhân mà cổ đông làm đại diện bị giải thể;
6. Không được pháp nhân cử làm đại diện nữa;
7. Công ty bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

MỤC II: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 45: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm, trừ khi HĐQT có quy định khác (được nêu trong hợp đồng), và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b) Là cổ đông hoặc đại diện cho pháp nhân.
4. Tổng Giám đốc Công ty mẹ không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 46: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc hàng ngày của Công ty mẹ; có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mẹ gồm việc ký kết hợp đồng, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường ngày mà không cần phải có quyết định của HĐQT;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty mẹ;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty mẹ;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty mẹ, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;
6. Quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty mẹ, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình;
7. Tuyển dụng lao động;

8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty mẹ và quyết định của HĐQT.

Điều 47: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây :
 - a) Có đơn xin từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động;
 - b) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 45 Điều lệ;
 - c) Trong công tác điều hành, có sai sót gây thiệt hại, thất thoát vốn và tài sản của Công ty mẹ do trách nhiệm cá nhân.
2. Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

MỤC III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 48: Quy định chung về Ban kiểm soát

1. BKS là cơ quan do ĐHCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty mẹ.
2. BKS có 3 thành viên. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của Công ty mẹ. BKS phải bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.
3. Thành viên BKS có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty mẹ. Thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. BKS phải có hơn một nửa thành viên thường trú tại Việt Nam.
5. Tiêu chuẩn thành viên BKS:
 - a) Là cổ đông hoặc người khác do cổ đông đề cử;
 - b) Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty mẹ;
 - c) Có trình độ đại học, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp và luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 50 của Điều lệ này;

- d) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - e) Thành viên BKS không được là thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng Công ty mẹ; vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty mẹ.
6. Thành viên BKS được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty mẹ theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty mẹ.

Điều 49: Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát

1. Các thành viên BKS có nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHĐCĐ bầu và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên BKS thì việc bầu bổ sung thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này.

Điều 50: Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng BKS có trách nhiệm phân công thành viên BKS phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.
2. BKS phải họp ít nhất một quý một lần. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Mỗi lần họp phải có biên bản gửi HĐQT và là tài liệu lưu giữ của Công ty mẹ.
3. Mỗi thành viên BKS dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a) Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành của Công ty mẹ; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty mẹ, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty mẹ và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
 - d) Xem xét số kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty mẹ bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 10 Điều 24 Điều lệ này;

- e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 10 Điều 24 Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS theo quy định này không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.
- f) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ;
- g) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này, nghĩa vụ của người quản lý Công ty mẹ quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản tới HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này;
- h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- i) BKS có quyền lựa chọn và đề nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty mẹ.

Điều 51: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Có đơn xin từ chức;
 - b) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 5 Điều 48 Điều lệ này;
 - c) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình liên tục trong 6 tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Thành viên BKS bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Trong các trường hợp khuyết danh Trưởng BKS, các thành viên còn lại của BKS cử một người tạm thay thế.
3. Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty mẹ thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.

MỤC IV: CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

Điều 52: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty mẹ với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:
 - a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty mẹ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải thông báo các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn (15) mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và các hợp đồng chuyển nhượng tài sản liên quan đến đất đai. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC V: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 53: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng giám đốc có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, Sổ theo dõi phát hành cổ phiếu của Công ty mẹ và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty mẹ vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ

đồng và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

CHƯƠNG VIII: CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

MỤC I: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Điều 54: Tài khoản tại ngân hàng

1. Công ty mẹ được phép mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Công ty mẹ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mẹ mở tài khoản.

Điều 55: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Kỳ kế toán quý là 3 tháng, tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

Điều 56: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty mẹ sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty mẹ phải lập sổ sách kế toán bằng Tiếng Việt. Công ty mẹ sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty mẹ tham gia, Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty mẹ,
3. Công ty mẹ sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 57: Báo cáo thường niên

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty mẹ;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty mẹ.
2. Lập các báo cáo khác theo yêu cầu của các cơ quan ban ngành.

Điều 58: Công khai thông tin

1. Công ty mẹ phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được ĐHCĐ thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty mẹ tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 59: Kiểm toán

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty mẹ phải được kiểm toán để ĐHĐCĐ xem xét thông qua. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của BKS và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty mẹ cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.

Điều 60: Con dấu

1. Công ty mẹ có con dấu riêng. Con dấu của Công ty mẹ phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty mẹ. Hình thức, nội dung của con dấu, chế độ sử dụng và quản lý con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc sử dụng con dấu của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật.

MỤC II: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 61: Phân phối lợi nhuận và trích lập

Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ như sau:

Việc trích tỷ lệ % cho các Quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất và các Quỹ khác do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Điều 62: Cổ tức

1. Cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định. Công ty mẹ chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty mẹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. HĐQT có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty mẹ.
3. Công ty mẹ sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.

Điều 63: Hình thức chi trả

1. Theo đề xuất của HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tiền mặt hay những tài sản cụ thể khác.
2. HĐQT thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách của Công ty mẹ mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu

khác. Ngày chốt danh sách này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG IX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ - SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty mẹ hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty mẹ;
 - b) Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý khác thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Giải quyết tranh chấp giữa các thành viên HĐQT và cổ đông
Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phần có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể Tổng Công ty theo một hay một số chứng cứ sau:
 - a) Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
 - b) Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.
3. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án theo luật định.
4. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 65: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

CHƯƠNG X: GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 66: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty mẹ có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm chấm dứt hoạt động của Công ty mẹ đều phải được ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định này phải được gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi tiến hành giải thể theo thủ tục luật định.

Điều 67: Thanh lý

1. Trong thời hạn sáu tháng kể từ khi có quyết định giải thể Công ty mẹ, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty mẹ hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty mẹ.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty mẹ trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty mẹ trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên và người lao động theo hợp đồng;
 - c) Thuế và các khoản phải nộp có tính chất thuế mà Công ty mẹ phải trả cho Nhà nước;
 - d) Các khoản vay (nếu có);
 - e) Các khoản nợ khác của Công ty mẹ;
 - f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần sở hữu.

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68: Hiệu lực và đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Sau khi ĐHĐCĐ thông qua, Điều lệ này được lập thành mười (10) bản; được đăng ký, nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty mẹ.
3. Công ty mẹ sẽ nộp bản chính, bản sao trích lục Điều lệ của Công ty mẹ cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác nếu cơ quan này có yêu cầu đúng thẩm quyền.

4. Các bản sao trích lục Điều lệ Công ty mẹ phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT.

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2025

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Quốc Tuấn